

CÁCH SỬ DỤNG TỪ ÔNG, BÀ TRONG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI XỨ THANH

HOW THE WORDS "ÔNG", "BÀ" ARE USED
IN COMMUNICATION BY PEOPLE IN THANH HÓA

VÕ HỒNG VÂN

(HVCH K2 NN, Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa)

Abstract

Vocative is a human linguistic act referring people's and regional cultural behavior in everyday communication. Belonging to a province with rich cultural traditions, Thanh Hoa dialect has extremely rich kinship vocative. Vocative words can be used independently and can be combined with other elements to form words or word - combination with different meanings.

The Article focuses on the various use of two vocative words "ông", "bà" by Thanh Hoa people in everyday communication in order to get better understanding of the culture lying in the heart of Thanh Hoa people.

1. Xưng hô là một hành vi ngôn ngữ của con người được thực hiện trong giao tiếp. Xưng hô cũng là cách ứng xử thể hiện nét văn hóa của một địa phương, một dân tộc trong giao tiếp. Mỗi từ xưng hô đều tiềm ẩn nhiều nhân tố như văn hóa, lịch sử, địa lí, tư duy ... Từ xưng hô trong tiếng Việt vô cùng phong phú gồm nhiều nhóm: (1) Đại từ nhân xưng (*tôi, tao, mày, nó, hắn, chúng tôi, chúng ta, bọn họ...*). (2) Danh từ thân tộc (*cha/bố, mẹ, anh, chị, ông, bà, cô, dì, chú, bác...*). (3) Danh từ hoặc cụm từ chỉ chức vụ (*giáo sư, tiến sĩ, kỹ sư, chủ tịch, ...*). (4) Các từ loại khác (*đồng ấy, ấy...*). Trong đó nhóm: Đại từ nhân xưng (1) và nhóm Danh từ thân tộc (2) được chú ý hơn cả. Cả hai nhóm này đều có chức năng "thường trực" là xưng hô.

Tuy nhiên ở nhóm (2), theo PGS. TS Phạm Văn Hào trong "*Từ xưng gọi trong phương ngữ Bắc*" NN&ĐS số 1+2 (2011) "i) Chức năng xưng gọi chỉ là chức năng phụ, thứ yếu, có sau, và ii) Không phải danh từ nào loại này cũng có thể dùng để xưng gọi như vậy. Ta gọi loại từ này có "chức năng kép".

Nghiên cứu về từ xưng hô được các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu về các từ xưng hô và cách sử dụng từ xưng hô này là các luận án Tiến sĩ: *Từ xưng hô trong gia đình đến xưng hô ngoài xã hội* của tác giả Bùi Thị Minh Yến [9], *Từ xưng hô và cách xưng hô trong các phương ngữ tiếng Việt từ góc nhìn của lý thuyết xã hội ngôn ngữ học* của tác giả Lê Thanh Kim [5], *Từ xưng hô có nguồn gốc danh từ thân tộc trong giao tiếp tiếng Việt*

của tác giả Trương Thị Diễm [2]. Luận văn thạc sĩ: *Từ xưng hô trong tiếng địa phương Thanh Hóa* của tác giả Lê Thị Vân [7] ... Những luận án, luận văn nói trên đã đề cập đến từ xưng hô nói chung mà chưa đi sâu vào tìm hiểu cách sử dụng từ xưng hô thân tộc của riêng của từng địa phương.

Trong tiếng Việt, số lượng danh từ thân tộc rất lớn nhưng không phải danh từ thân nào cũng được dùng để xưng hô (ví dụ: *chị ruột, anh ruột, chị họ...*). Qua điều tra, khảo sát chúng tôi nhận thấy tiếng Việt có 25 danh từ thân tộc đơn được dùng xưng hô trong giao tiếp. Từ 25 danh từ thân tộc đơn này có thêm nhiều danh từ thân tộc ghép được dùng để xưng hô như : *ông nội, ông ngoại, bà cô, bà dì...* Nhưng không phải tất cả các danh từ thân tộc đó đều được sử dụng như nhau mà mỗi địa phương đều sử dụng từ xưng hô và những biến thể theo cách riêng của mình. Tiếng địa phương Thanh Hóa cũng không nằm ngoài quy luật đó. Theo khảo sát của chúng tôi ở một số xã của 20 huyện, thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có rất nhiều danh từ thân tộc ghép nhưng chỉ có 69 danh từ thân tộc ghép được dùng để xưng hô. Bởi vậy tìm hiểu về từ xưng hô thân tộc trong tiếng địa phương Thanh Hóa hứa hẹn nhiều thú vị. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ tìm hiểu về danh từ thân tộc “*ông*”, “*bà*” trong giao tiếp của người xứ Thanh qua việc khảo sát các biến thể và cách sử dụng, để góp một tiếng nói vào việc gìn giữ và khám phá nét văn hóa ẩn chứa trong tâm hồn của người xứ Thanh.

2. Các biến thể của từ *ông*, *bà*

2.1. *Các biến thể của từ ông*: Trong tiếng địa phương Thanh Hóa từ *ông* có các biến thể sau: *ôoo/oong/uông...* (biến thể ngữ âm). Từ *ông* không có biến thể từ vựng .

2.2. *Các biến thể của từ bà*: Trong tiếng địa phương Thanh Hóa từ *bà* có các biến thể từ vựng như: *mậu/mụ/mệ* ... Từ *bà* trong tiếng địa phương Thanh Hóa không có biến thể ngữ âm.

3. Cách sử dụng từ *ông*, *bà*

3.1. *Cách sử dụng từ ông*

Theo *Từ điển tiếng Việt* Hoàng Phê chủ biên [6]: “Ông d. 1 Người đàn ông thuộc thế hệ sinh ra cha hoặc mẹ (có thể dùng để xưng gọi). Ông nội. Ông ngoại. Ông chú (chú của cha hoặc của mẹ). Hai ông cháu. 2. Từ dùng để gọi người đàn ông lớn tuổi hoặc được kính trọng. Ông giáo, ông lão. 3 (kng). Từ người đàn ông tự xưng khi tức giận, muốn tỏ vẻ trịch thượng hoặc hách dịch. Rồi sẽ biết tay ôn!. Định Bướng với ông hả?. 4 (kng). Từ dùng để gọi người đàn ông hàng bạn bè hoặc đàn em (hàm ý thân mật). Ông bạn trẻ. Ông giúp mình một tay. 5 (kết hợp hạn chế). Từ dùng để gọi tôn vật được sùng bái hay kiêng sợ. Ông trời, ông trăng, ông bếp, ông ba mươi”.

a. *Sử dụng từ “ông” trong giao tiếp gia đình*

Trong phạm vi giao tiếp gia đình, họ tộc của người Thanh Hóa, từ *ông* và các biến thể của nó được sử dụng theo cách xưng hô tương đối chính xác: xưng hô người đàn ông thuộc thế hệ sinh ra bố mẹ mình. Đó là từ mà con của con gọi mình (*ông ơi lấy giúp cháu quả bóng ạ*) và là từ người đàn ông dùng để xưng với con của con mình (*Mình ơi, cháu lại đây ông cho kẹo*). Đây là đặc điểm giống với cách sử dụng từ xưng hô trong tiếng Việt phổ thông.

Trong giao tiếp gia đình của người Thanh Hóa, *ông*, cũng như trong tiếng phổ thông, còn được sử dụng theo cách xưng hô thay vai, nâng bậc trong trường hợp con cháu gọi bố mình hay những người ngang vai với bố

mình trong quan hệ thân tộc thay cho con của mình: (*Ông đưa cháu đi chơi giúp con; ông chú giúp cháu việc này nhé!*) hay trường hợp vợ gọi chồng một cách thân mật ở độ tuổi trung niên khi họ đã có cháu: (*Ông đi ngủ sớm đi*). Tuy nhiên, cách xưng hô như vậy thường gặp nhiều ở các vùng nông thôn, còn ở thành phố thì ít gặp hơn.

Trong những tình huống giao tiếp nhất định (những tình huống giao tiếp căng thẳng), **ông** là từ mà bố gọi con, là từ ông gọi cháu.

Ví dụ:

+ Bố nói với con: **Ông** thách thức tôi hả?

+ Ông nói với cháu : Nghịch vừa thôi **ông** ạ.

Trong giao tiếp gia đình của người Thanh Hóa từ **ông/oong/uông...** có thể được dùng độc lập để xưng hô: **oong** đang mần chi rứa (*ông đang làm gì đấy*), *cháu chào oong* (*cháu chào ông ạ*). Nhưng thông thường, khi xưng hô, **ông** được dùng kết hợp với các yếu tố khác. Cụ thể là:

Ông + yếu tố chỉ quan hệ huyết thống nội, ngoại (**ông/uông nội/nậu, ông/uông ngoại**): *ông ngoại ấy cháu buồn ngủ lắm rồi* (*ông ngoại ơi cháu buồn ngủ lắm rồi*).

Ông + tên riêng: *Ông Ngọ ấy lấy cho tâu cấy chũn* (*ông Ngọ ơi lấy cho tôi cái chổi*).

Ông + tên con đầu (không phân biệt con trai, con gái): *Ông Liên nấu chua tâu ầm nác* (*ông Liên nấu cho tôi ầm nước*).

Ông + giới tính + tên cháu đích tôn: *ông thẳng Hều bữa ni đi mần sớm rứa* (*Ông thẳng Hều hôm nay đi làm sớm thế*). Đây là cách vợ gọi chồng khi hai vợ chồng đã lên chức ông, bà. Cách gọi này theo quan niệm của người Thanh Hóa, một mặt tạo nên sợi dây tình cảm gắn bó giữa ông bà và con cháu, mặt khác khẳng định vị thế quan trọng

của cháu đích tôn trong gia đình – đứa cháu sau này sẽ thờ phụng, hương khói cho ông bà. Điều này không những là niềm tự hào đối với những gia đình có cháu đích tôn mà những người được gọi là “cháu đích tôn” ở Thanh Hóa cũng rất ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình đối với ông bà tổ tiên trong việc thờ phụng, hương khói.

Ông + yếu tố chỉ quan hệ tôn ti, huyết thống của các thành viên trong gia tộc (chú, bác, cậu ...) (+ tên riêng): *ông chú, ông cậu Viên, ông bác...*

Ví dụ: *Ông cậu Viên viên quê nhớn được lâu không ạ? (Ông cậu Viên về quê chơi được lâu không ạ?)*

b. Sử dụng từ “**ông**” trong giao tiếp ngoài xã hội

Khi xưng hô ngoài xã hội, từ **ông**, trong tiếng địa phương Thanh Hóa được xem là từ có tính xã hội hóa cao. Nó được dùng để chỉ người cao tuổi, người có địa vị chức sắc hay nói cách khác là những người được kính trọng. Chẳng hạn: *Thưa ông, việc này ông giúp chúng tôi nhé!...* Vì vậy, trong xưng hô xã hội, ông thường có kết hợp sau:

- Ông + từ ngữ chỉ chức vụ, địa vị: (*ông giám đốc, ông hiệu trưởng, ông trưởng phòng, ông bí thư, ông chủ tịch...*)

- Ông + tên riêng: *ông Thìn, ông Tộ, ông Hoàng*

- Ông + tên con đầu: *ông Chung, ông Quân* (Chung và Quân là tên con đầu)

Tuy nhiên, trong các cách kết hợp trên thì cách kết hợp đầu thường dùng trong giao tiếp công sở, giao tiếp có nghi thức. Cách kết hợp ông + tên riêng có thể dùng trong giao tiếp nghi thức và không nghi thức. Cách kết hợp thứ ba chỉ dùng trong giao tiếp không nghi thức, giao tiếp giữa những người

trong cùng làng, xã và chủ yếu ở vùng nông thôn.

Ngoài ra, trong tiếng địa phương Thanh Hóa từ **ông**, và những biến thể của nó vẫn được những người trẻ tuổi dùng để xưng hô khi giao tiếp với nhau. Những cặp vợ chồng trẻ vẫn xưng hô nhau là **ông**, là **bà** với sắc thái nghĩa âu yếm thân mật. Bạn bè nam nữ cùng trang lứa vẫn gọi nhau là **ông - bà, tôi - ông, tôi - bà, mình - ông...** với sắc thái dân dã, thân mật suồng sã. Chẳng hạn: *Ông viên nhà tàu nhớn nhá (ông về nhà tôi chơi nhé.)* Ở đây từ *ông/ông/ông...*, được dùng đồng nghĩa với các từ: *bạn, cậu* trong giao tiếp giữa bạn bè với nhau.

Như vậy trong giao tiếp của người Thanh Hóa từ **ông** và những biến thể của nó được sử dụng khá phổ biến cả trong giao tiếp gia đình và ngoài xã hội và trong mỗi trường hợp cụ thể lại mang những sắc thái biểu cảm khác nhau: khi thì tình cảm, thân mật, suồng sã, khi thì căng thẳng có phần mỉa mai, nhưng cũng có khi mang sắc thái trung hòa. Tất cả tạo nên nét riêng độc đáo của người xứ Thanh.

3.2. Cách sử dụng từ **bà**

Theo Từ điển tiếng Việt Hoàng Phê chủ biên [6; tr 22]: “bà d. Người đàn bà thuộc thế hệ sinh ra cha hoặc mẹ (có thể dùng để xưng gọi) : *Bà nội. Bà ngoại. Bà thím* (thím của cha hoặc mẹ). *Hai bà cháu*. 2 Từ dùng để gọi người đàn bà đứng tuổi hoặc được kính trọng. *Bà giáo*. 3 Từ người đàn bà tự xưng tức giận, muốn tỏ vẻ trịch thượng hoặc hách dịch. *Bà bảo cho mà biết*”.

a. Sử dụng từ “bà” trong giao tiếp gia đình

Trong phạm vi giao tiếp gia đình, họ tộc của người Thanh Hóa, từ **bà** và các biến thể của nó được sử dụng theo cách xưng hô tương đối chính xác: xưng hô người đàn bà

thuộc thế hệ sinh ra bố mẹ mình. Đó là từ mà con của con gọi mình (*Bà ơi, cho Tí về nhà.*) và là từ người đàn bà dùng để xưng với con của con mình (*Cún ơi, cháu lại đây với bà*). Từ chồng gọi vợ : “*Bà ăn cơm đi để tôi đón cháu cho*”. “*Bà nó ơi! Sao tôi lại thế này? Tôi nằm đây lâu chưa? Chỉ còn mình bà ở lại đây thôi ư?*”[8; 202]. Đây là đặc điểm giống với cách sử dụng từ xưng hô trong tiếng Việt phổ thông.

Trong giao tiếp của người Thanh Hóa, cũng giống như từ **ông**, từ **bà** còn được sử dụng theo cách xưng hô thay vai, nâng bậc trong trường hợp con cháu gọi mẹ mình hay những người ngang vai với mẹ mình trong quan hệ thân tộc thay cho con của mình (*Bà đưa cháu đi chơi giúp con; bà mợ giúp cháu việc ni(này) ví(với)*) hay trường hợp chồng gọi vợ một cách thân mật ở độ tuổi trung niên khi họ đã có cháu: *bà(mậ) có xuống cháu chơi không?*. Tuy nhiên, cách xưng hô như vậy thường gặp nhiều ở các vùng nông thôn, còn ở thành phố thì ít gặp hơn.

Trong những tình huống giao tiếp nhất định (những tình huống giao tiếp căng thẳng), **bà** cũng có thể là từ mà mẹ gọi con, là từ bà gọi cháu.

Ví dụ:

- Mẹ nói với con: **Bà** cãi tôi hả?

- Bà nói với cháu: *Nghịch* vừa thôi **bà** ạ.

Trong giao tiếp gia đình của người Thanh Hóa, cũng giống như từ **ông**, từ **bà** có khi được dùng độc lập : *Bà đã hết ốm chưa ạ?* Có khi được dùng kết hợp với yếu tố khác:

- Bà + yếu tố chỉ quan hệ nội ngoại (ngoại/nội) + (tên của cháu đích tôn): *Bà nậu đưa cháu đi học nhá(Bà nội đưa cháu đi học nhé!); Bà nậu Tòng nấu cơm cho Tôm ăn ví...*

Các biến thể của từ **bà** là **mậ/mụ** hầu như không được sử dụng trong trường hợp

kết hợp với các yếu tố chỉ quan hệ huyết thống này. (Không ai sử dụng từ **mụ nội/mậu nậu** để xưng gọi).

- Bà + tên con đầu (không phân biệt con trai, con gái): *Bà Thuần* (con đầu tên là Thuần). Trường hợp kết hợp với tên con đầu, trong giao tiếp của người Thanh Hóa có thể sử dụng các biến thể của từ bà như **mậu/mụ** (chẳng hạn: *mậu Thuần/mụ Thuần*). Kết hợp này thường được phổ biến ở nông thôn Thanh Hóa và thường được dùng để gọi hơn là dùng để xưng.

- Bà + giới tính + tên cháu đích tôn: *Bà thằng Dũng*. Giống như trường hợp kết hợp với từ xưng hô ông, trường hợp này của từ **bà** trong giao tiếp của người Thanh Hóa lại một lần nữa khẳng định vị trí của đứa cháu đích tôn trong gia đình họ tộc. Là một tình mà tư tưởng phong kiến còn đè nặng, đối với gia đình họ tộc của người Thanh Hóa, đứa cháu đích tôn là niềm hi vọng và tự hào của cả gia đình dòng tộc. Gia đình có cháu đích tôn nối dõi tông đường là niềm hạnh phúc của cả dòng họ, thể hiện sự phát triển trường tồn của cả dòng họ. Vì vậy, tên của cháu đích tôn có thể dùng gọi bà, gọi ông theo lối xưng hô thay vai, nâng bậc. Trường hợp sử dụng này qua khảo sát của chúng tôi, hầu như không thấy xuất hiện biến thể của từ bà. Người Thanh Hóa không sử dụng cách nói: *mậu/mụ thằng Dũng*.

- Bà + yếu tố chỉ quan hệ tôn ti, huyết thống của các thành viên trong gia tộc (cô, dì, bác, mợ, thím...) *bà thím, bà bác, bà cô(bà o), bà dì(bà rầy)*... Người Thanh Hóa vốn phân biệt rất rạch ròi quan hệ tôn ti, huyết thống. Vì vậy, tư tưởng này còn chi phối cả việc sử dụng từ xưng hô của dòng họ trong giao tiếp gia đình. Trong xưng hô gia đình, các từ: *bà thím, bà bác, bà cô (bà o),*

bà dì (bà rầy), bà mợ (bà mự)... được dùng rất phổ biến.

Ví dụ:

- *Tún (tối), bà mự (mợ) qua nhà cháu chơi.*

- *Mai, đi cần (cấy) giúp bà thím vi(với).*

Ngoài các cách kết hợp trên đây, trong tiếng Thanh Hóa còn có cách kết hợp tạo thành một tổ hợp từ rất đặc trưng : **Bà mự mợ** dùng để gọi người phụ nữ lấy em trai bà nội.

Ví dụ: *Bà mự mợ ơi lấy Hói đôi đũa.*

Điều đặc biệt là những biến thể của từ **bà** như **mậu/mụ/...** và những kết hợp của nó chỉ được dùng để hô chứ thường không dùng để xưng trong giao tiếp gia đình.

Ví dụ: *Mai mự/mậu ở nhà bồng cháu cho cuôn hần đi mần (mai bà ở nhà bế cháu cho con nó đi làm).*

Cách gọi này cũng không phải đối tượng nào cũng sử dụng được mà chỉ người chồng mới có thể gọi vợ mình một cách dân dã, thân mật như thế.

b. Sử dụng từ “bà” trong giao tiếp ngoài xã hội

Khi xưng hô ngoài xã hội từ **bà** cũng được xã hội hóa cao giống từ ông. Từ **bà** dùng để gọi người cao tuổi, người có địa vị chức sắc và người được kính trọng. Chẳng hạn: *Thưa bà giám đốc, tôi xin trình bày với bà một việc ...* Vì vậy, trong xưng hô ngoài xã hội cũng giống như từ **ông**, từ **bà** thường có kết hợp sau:

- Bà + từ ngữ chỉ chức vụ, địa vị (*bà giám đốc, bà hiệu trưởng, bà trưởng phố, bà bí thư, bà chủ tịch...*)

- Bà + tên riêng: *bà Thìn, bà Lành*

- Bà + tên con đầu : *Bà Chung, bà Thuần* (Chung và Thuần là tên con đầu).

Trong các cách kết hợp trên thì cách kết hợp đầu thường dùng trong giao tiếp công

sở, giao tiếp có nghi thức. Cách kết hợp thứ hai, thứ ba chỉ dùng trong giao tiếp không nghi thức, giao tiếp giữa những người trong cùng làng, xã và chủ yếu ở nông thôn.

Bên cạnh các cách kết hợp trên, do ảnh hưởng tư tưởng trọng nam khinh nữ nên trong tiếng địa phương Thanh Hóa còn có kết hợp: bà + tên chồng như *bà Tộ, bà Tâm...* (Tộ, Tâm là tên chồng). Cách dùng này xuất hiện khá phổ biến ở Thanh Hóa, tên của bà dường như con cháu ít biết đến vì không được dùng nhiều trong xưng hô.

Ngoài ra, trong tiếng địa phương Thanh Hóa từ *bà*, và những biến thể của nó vẫn được những người trẻ tuổi dùng để xưng hô khi giao tiếp với nhau giữa vợ chồng, bạn bè. Ví dụ:

- Xưng hô giữa vợ và chồng: - *mậu vô ăn cơm rầu sở mà đi mần (Bà vào ăn cơm rồi chuẩn bị mà đi làm).*

- Xưng hô giữa những người trẻ tuổi: *Mai Anh ơi, sáng mai bà mua hộ tôi cái dây buộc tóc.*

Kết quả khảo sát cũng cho thấy từ *mậu/mụ* (biến thể của từ *bà*) không dùng trong giao tiếp nghi thức mà chỉ dùng trong giao tiếp dân dã, thể hiện được đặc trưng suồng sã, thân mật của những con người xứ Thanh. Bởi vậy *mụ/mậu* thường được sử dụng trong giao tiếp ở các vùng nông thôn. Ở thành phố, *mụ/mậu* vẫn được sử dụng nhưng trong trường hợp người ta gọi người phụ nữ với thái độ không tôn trọng, lúc đó *mụ* thường được kết hợp với từ chỉ định *kia*. Ví dụ:

- *Mụ kia trả tiền tôi đây!*

Như vậy, từ *ông/bà* trong giao tiếp xưng hô của người Thanh Hóa có thể biểu lộ nhiều sắc thái khác nhau.

Các nhà văn là người Thanh Hóa cũng ghi lại những cách xưng hô này trong tác phẩm văn chương:

- *"Tôi nhớ một chiều tháng 6 năm 1979, anh Hiên chủ nhiệm hợp tác xã Nam Ngạn vào bảo tôi :*

- Ông đi xem lấy được chỗ đất nào thì nhận. Hôm nay tiểu khu chia đất cho tám hộ có đơn xin ..." [8; tr 66]

Theo khảo sát của chúng tôi ở một số truyện ngắn của người Thanh Hóa thì từ *"ông"* được sử dụng trong giao tiếp ngoài xã hội nhiều hơn từ *"bà"*. Như vậy so với từ *bà* từ *ông* được xã hội hóa cao hơn.

Cũng theo khảo sát của chúng tôi nếu như ở các vùng nông thôn, *ông, bà* được gọi theo tên của cháu đích tôn thì ở thành phố ít có hiện tượng này xảy ra. Thông thường *ông* được gọi bằng tên của ông, *bà* cũng được gọi bằng tên ông nên dẫn đến một hệ quả là các cháu rất ít khi biết tên bà.

Như vậy từ *ông, bà* và những biến thể của nó là những danh từ thân tộc không chỉ dùng để gọi tên các thành viên có quan hệ huyết thống, hôn nhân, gia đình, họ tộc, nội/ngoại xa gần với nhau mà đây còn là những từ xã hội hóa rất cao được sử dụng trong nhiều tình huống giao tiếp ngoài xã hội. So với từ toàn dân thì các biến thể của từ *"ông", "bà"* được sử dụng với tần số ít hơn, sử dụng trong hoàn cảnh giao tiếp không nghi thức nên các biến thể này chỉ được sử dụng chủ yếu ở các vùng nông thôn mà thôi. Và dù được sử dụng trong môi trường gia đình hay ngoài xã hội thì người Thanh Hóa vẫn luôn sử dụng các danh từ thân tộc theo nghĩa gốc và tuân thủ theo quy tắc tôn ti của gia đình, họ tộc.

Mặc dù vậy, trong những trường hợp nhất định qua cách sử dụng từ *"ông", "bà"* trong xưng hô gia đình của người Thanh Hóa, đôi khi điều quan trọng không phải là thể hiện đúng vai, vị thế, tôn ti mà qua xưng hô là để bộc lộ tình cảm, tăng sự gần gũi, thân thiết hoặc tỏ thái độ giữa các thành viên trong giao tiếp gia đình cũng như giao tiếp

ngoài xã hội. (Chẳng hạn bà có thể gọi cháu bằng **bà** và xưng tôi, hoặc bạn bè cùng trang lứa cũng thường xuyên gọi **ông/bà** xưng tôi). Đây cũng là một minh chứng cho việc sử dụng các từ thân tộc một cách uyển chuyển và gia đình hóa xã hội của người Thanh Hóa.

4. Trên thực tế, còn nhiều điều thú vị ẩn chứa trong cách sử dụng các từ xưng hô có nguồn gốc danh từ thân tộc trong giao tiếp của người xứ Thanh. Nhưng chỉ qua cách sử dụng từ **“ông”**, **“bà”** tác giả bài viết tin rằng bạn đọc đã phần nào thấy được nét đẹp văn hóa thể hiện sự tinh tế, hồn hậu nhưng rất dung dị trong tâm hồn của những người con xứ này.

Ngày nay, xã hội có sự giao lưu tiếp xúc giữa những nền văn hóa, ngôn ngữ khác nhau nhưng dù xã hội có hội nhập đến mức độ nào thì lớp từ xưng hô có nguồn gốc danh từ thân tộc trong tiếng địa phương Thanh Hóa vẫn giữ một vai trò quan trọng không thể thay thế trong đời sống của con người nơi đây. Vì vậy, để đạt được hiệu quả giao tiếp mỗi người phải biết lựa chọn những cách xưng hô thích hợp trong những tình huống khác nhau để đạt được hiệu quả giao tiếp như mong muốn.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Trọng Canh (2009), *Từ địa phương Nghệ Tĩnh một khía cạnh ngôn ngữ văn hóa*, NXB Khoa học xã hội Hà Nội.
2. Trương Thị Diễm (2002), *Từ xưng hô có nguồn gốc thân tộc trong tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Vinh.
3. Phạm Văn Hào (chủ biên), *Từ điển phương ngữ tiếng Việt*. NXB KHXH, Hà Nội 2009.
4. Phạm Văn Hào (2011), *Từ xưng gọi trong phương ngữ Bắc*, Ngôn ngữ & Đời sống số 1+2.
5. Lê Thanh Kim (2000), *Từ xưng hô và cách xưng hô trong các phương ngữ tiếng*

Việt dưới góc nhìn của lý thuyết xã hội ngôn ngữ học, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ.

6. Hoàng Phê (Chủ biên) (1998), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.

7. Lê Thị Vân (2012), *Từ xưng hô trong tiếng địa phương Thanh Hóa*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Hồng Đức.

8. Bùi Thị Minh Yến (2001), *Từ xưng hô trong gia đình đến xưng hô ngoài xã hội của người Việt*, Luận văn Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.

9. *Truyện kí Kiều Vương* (2000), NXB Hội nhà văn (Tài liệu trích dẫn ví dụ).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-09-2012)

Thể lệ gửi bài đăng trên tạp chí NN & ĐS

1. Bài viết tối đa khoảng 4000 chữ, in trên giấy khổ A4 một mặt, phông chữ **Times New Roman, cỡ chữ 12**, gửi qua email: ngonngudoisong@yahoo.com.vn.

2. Là bài mới, không gửi đồng thời những nơi khác.

3. Nếu là bài nghiên cứu, phải theo quy định cách trình bày một công trình khoa học của Bộ Giáo dục - Đào tạo (như **Tên bài và tóm tắt nội dung bằng tiếng Việt và tiếng Anh; Có phần lịch sử vấn đề; Có tài liệu tham khảo,...**).

4. Trong bài, nếu có chữ nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật...) đề nghị in nguyên dạng.

5. Ghi rõ nơi công tác, địa chỉ cơ quan và số điện thoại, email, số tài khoản cá nhân để tiện liên hệ.

6. Bài không được đăng, Toà soạn không gửi lại bản thảo.

7. Nếu tác giả là người sống ở Hà Nội, xin liên hệ trực tiếp với Toà soạn để trao đổi về bài vở.

NN & ĐS